**NGỮ PHÁP PHẦN 4**

**CHO 500 CÂU TIẾNG ANH CĂN BẢN ĐỂ HỌC THUỘC LÒNG**

1. **Đại từ nhân xưng làm Tân ngữ**

Đại từ nhân xưng có hình thức chủ ngữ và tân ngữ hoàn toàn khác nhau (trừ “you” và “it”)

|  |  |
| --- | --- |
| **Đai từ làm chủ từ** | **Đại từ làm đối từ** |
| I (tôi) | me (tôi) |
| You (bạn) | you (bạn) |
| He (anh ấy) | him (anh ấy) |
| She (cô ấy) | her (cô ấy) |
| It (nó) | it (nó) |
| We (chúng tôi, chúng ta) | us (chúng tôi, chúng ta) |
| You (các bạn) | you (các bạn) |
| They (họ) | they (họ) |

Ví dụ: - **I** know **him**. (**tôi** biết **anh ấy**)

 - **He** knows **me**. (**anh ấy** biết **tôi**)

Cùng nghĩa là “tôi” nhưng đứng ở vị trí chủ từ thì là “I”, đứng ở vị trí đối từ thì là “me”

Cùng nghĩa là “anh ấy” nhưng đứng ở vị trí chủ từ thì là “He”, đứng ở vị trí đối từ thì là “him”

1. **Cấu trúc câu**

**Chủ từ + Ngoại động từ + đối từ gián tiếp + đối từ trực tiếp**

*hoặc*

**Chủ từ + Ngoại động từ + đối từ gián tiếp + TO/FOR + đối từ trực tiếp**

- **đối từ trực tiếp**: là đối từ chỉ người hoặc vật đầu tiên nhận tác động của hành động. *Đối từ trực tiếp* trả lời cho câu hỏi “What” (cái gì)

- ***đối từ gián tiếp****:* là tân ngữ chỉ đồ vật hoặc người, mà hành động xảy ra dành cho (hoặc đối với) đồ vật hoặc người đó. Tân ngữ gián tiếp trả lời cho câu hỏi “To whom” (Tới ai đó) hoặc “For whom” (cho ai đó)

Lưu ý: Phân biệt giữa ngoại động từ và nội động từ: Ngoại động từ thì phải có đối từ theo sau, còn nội động từ thì không có đối từ theo sau.

Ví dụ:

- Every month, they give **me** **money**. (Mỗi tháng, họ đưa cho tôi tiền)

*-* Every month, they give **money** to **me. (** Mỗi tháng, họ đưa tiền cho tôi**)**

1. **Câu Phủ định và câu Nghi vấn với động từ thường ở thì hiện tại đơn.**
* **Câu PHỦ ĐỊNH:**

***Cách thành lặp câu phủ định:***

* B1: thêm trợ động từ **do/does** trước **NOT** (không)

***Do*** với chủ từ là ***Đại từ nhân xưng (I, You, We, They)*** *và* ***Danh từ số nhiều***

***Does*** với chủ từ là ***Đại từ nhân xưng (He, She, It)*** *và* ***Danh từ số ít / Danh từ không đếm được***

* B2: ***“Động từ chính”*** đứng sau “do not/does not” phải trở về ***nguyên mẫu không “to”***

**Chủ từ + DO/DOES + NOT + động từ nguyên mẫu không “to” … .**

**Ví dụ:**

 Câu khẳng định: He **knows** me. (Anh ấy biết tôi)

(**knows** là động từ chính)

 🡪 *Câu phủ định*: He **does not know** me. (Anh ấy **không biết** tôi)

* **Câu NGHI VẤN:**

***Cách thành lặp câu Nghi vấn:***

* B1: Đưa trợ động từ **do/does lên đầu câu và đặt trước chủ từ.**

 (dùng *do/does* tùy theo chủ từ như ở câu phủ định)

* B2: ***“Động từ chính”*** đứng sau chủ từ phải trở về ***nguyên mẫu không “to”.***

**DO/DOES + Chủ từ + động từ nguyên mẫu không “to”…?**

 **Ví dụ:**

Câu khẳng định: He **knows** me. (Anh ấy biết tôi)

(**knows** là động từ chính)

 🡪 *Câu Nghi vấn*: **Does** he **know** me**?** (Anh ấy **có** biết tôi **không?**